

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TN  
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST  
Ngày: 28-02-2023  
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Phong.

2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2022/TLST-DS ngày 07/10/2022 Về việc: “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 15/02/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Dương Ngọc A, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 226, Đường lộ 10, ấp TL, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN; Chỗ ở hiện nay: Số 87, Đường N, Khu phố A, Phường B, thành phố TN, tỉnh TN; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lưu Ánh N, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh TN; Có đơn xin giải quyết vắng mặt (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/9/2022).

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1987 và anh Nguyễn Phan T, sinh năm 1986; chị P, anh T vắng mặt.

Địa chỉ: Số 24, Đường T, ấp K, xã B, thành phố TN, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Dương Ngọc A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên**

***đơn – bà Lưu Ánh N trình bày:***

Ngày 13/6/2018, chị P có mượn của chị A số tiền 95.000.000 đồng. Ngày 28/6/2019, anh T (chồng chị P) tiếp tục mượn của chị A số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra, chị P còn mượn của chị A số tiền 200.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền nhưng không ghi ngày, tháng, năm trong giấy mượn tiền. Tổng cộng chị P, anh T mượn chị A số tiền 345.000.000 đồng. Trước đây, chị A có khởi kiện yêu cầu anh T, chị P trả số tiền 345.000.000 đồng và tiền nợ hui nhưng chị A có rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ 345.000.000 đồng để vợ chồng anh T, chị P thỏa thuận trả nợ cho chị A nhưng đến nay anh chị vẫn chưa thanh toán tiền nợ cho chị A.

Do đó, chị A khởi kiện yêu cầu anh T, chị P trả số tiền 345.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

***Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Phan T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.***

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu quan điểm về vụ án:***

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc A đối với anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim Ph về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim P cùng có nghĩa vụ trả cho chị Dương Ngọc A số tiền nợ là 345.000.000 đồng. Ghi nhận chị A không yêu cầu tính lãi.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị A khởi kiện về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” với anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim P có địa chỉ cư trú tại ấp K, xã B, thành

phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Các đương sự vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị A khởi kiện yêu cầu anh T, chị P cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 345.000.000 đồng. Chị A cung cấp chứng cứ là Ủy nhiệm chi ngày 13/6/2018 (Bản phô tô có mộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh TN); Giấy mượn tiền không có ngày tháng năm, số tiền 200.000.000 đồng, ký tên, ghi họ tên người mượn tiền Nguyễn Thị Kim P (Bản chính); 01 Ủy nhiệm chi ngày 28/6/2019 (Bản có mộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh TN).

Quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, anh T, chị P phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLST-DS ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN (Tờ Bút lục 29 đến 57) thể hiện như sau:

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2022: Chị P xác nhận vợ chồng chị có mượn của chị A số tiền 345.000.000 đồng nhưng đã trả xong. Chữ ký trong Giấy mượn tiền không có ngày tháng năm, số tiền 200.000.000 đồng, ký tên, ghi họ tên người mượn tiền Nguyễn Thị Kim P là của chị P.

- Tại Công văn số 598/2022/TCB-TNH ngày 08/7/2022 của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh TN cung cấp thông tin ngày 28/6/2019, tài khoản của Nguyễn Phan T có nhận số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản của Dương Ngọc A.

- Tại Công văn số 128/2022/CV-P.KSRR ngày 27/6/2022 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh TN cung cấp thông tin ngày 13/6/2018, tài khoản của Nguyễn Thị Kim P có nhận số tiền 95.000.000 đồng từ tài khoản của Dương Ngọc A.

[3] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Anh T, chị P có nợ của chị A số tiền tổng cộng là 345.000.000 đồng; các bên không

thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất. Do đó, cần xác định đây là loại hợp đồng vay không có kỳ hạn, không có lãi suất theo quy định tại Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn trình bày đã trả nợ xong cho nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do anh T, chị P không trả tiền cho chị A nên đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị A, chị A khởi kiện yêu cầu anh T, chị P cùng có trách nhiệm trả tiền số tiền nợ 345.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Ghi nhận chị A không yêu cầu tính lãi.

*Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A. Buộc anh T, chị P cùng có trách nhiệm trả cho chị A số tiền là 345.000.000 đồng. Ghi nhận chị A không yêu cầu tính lãi.*

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc anh T, chị P có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền 345.000.000 đồng nên anh T, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.250.000 đồng.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc A đối với anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim P về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản”.*

- Buộc anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim P cùng có trách nhiệm trả cho chị Dương Ngọc A số tiền là 345.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Ghi nhận chị A không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### *2. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Phan T, chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.250.000 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Chị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.625.000 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001349 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Dung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tới

Trần Tấn Phát

Đặng Thị Ngọc Dung